

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HS-ST
Ngày: 01-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Trên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, tên gọi khác: T, sinh năm 1990 tại Cần Đước. ĐKTT: Số 156, ấp 7, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Ph (đã chết); bản thân chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/11/2007, bị TAND huyện Cần Đước xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 15/4/2009, bị TAND huyện Cần Đước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 21/4/2010; Ngày 09/6/2011, bị TAND tỉnh Long An xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong ngày 20/9/2012; Ngày 29/3/2013, bị TAND huyện Cần Đước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 30/6/2015; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2019 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966.

ĐKTT: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phan Quốc H, sinh năm 1982.

ĐKTT: Ấp B, xã T, huyện Cần Đ, tỉnh Long An (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, anh Phạm Văn T thuê anh Phan Quốc H làm thuyền trưởng điều khiển tàu kéo bằng gỗ số hiệu LA06026, có gắn động cơ nhãn hiệu Cummins 250CV, kéo xà lan boong cho anh T để chở cát, đá thuê, đồng thời anh T giao cho anh H quản lý, sử dụng tàu kéo, xà lan boong cùng tài sản trên phương tiện, nếu bị mất hoặc bị hư hỏng anh H phải chịu trách nhiệm. Do không có người phụ việc trên tàu kéo, nên anh H có nhờ Trương Minh P tìm người phụ việc trên tàu kéo, anh P đồng ý. Đến ngày 28/6/2018, Nguyễn Hữu T gặp anh P đề xin việc, thì anh P gọi điện liên lạc với anh H thông báo tìm được người đến xin làm thuê, anh H đồng ý, anh P kêu T đi xe ôm đến cầu Đức Huệ, huyện Đức Huệ, đến khoảng 17 giờ cùng ngày anh H nhận T vào làm phụ giúp việc trên tàu kéo với mức lương 6.000.000đ/tháng.

Ngày 30/6/2018, sau khi giao hết đá trên xà lan boong tại khu vực gần cầu Đức Huệ, anh H điều khiển tàu kéo LA 06026, kéo xà lan boong cùng đi với T trên tàu kéo chạy về huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo đường sông Vàm Cỏ Đông. Khi đến địa phận xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức do ngược chiều nước, anh H dừng tàu kéo và neo xà lan boong lại. Sau đó, anh H điều khiển tàu kéo đến gần ấp 4, xã Lương Bình, gần bến phà Lương Bình để đi lên chợ mua thức ăn. Sau khi mua thức ăn xong, T rủ anh H lên bờ mua bia về uống, anh H đồng ý. Lúc này khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi lên bờ mua bia, khi đi ngang khu vực nhà trọ thì có một số người ở trọ tổ chức uống rượu, T xin vào ngồi uống chung. Một lúc sau anh H cũng đến và uống rượu chung. Trong lúc uống rượu, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tàu kéo LA06026 bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng anh H đang uống rượu, T đi xuống tàu kéo, tháo dây cột tàu ném xuống sông rồi nổ máy chạy đi thì bị anh H phát hiện và kêu T quay lại, nhưng T không dừng mà tiếp tục chạy đi, anh H đến Công an xã Lương Bình tố cáo. T điều khiển tàu kéo chạy về hướng cầu Bến Lức đến kênh Vàm Thủ Đoàn thì rẽ ra sông Vàm Cỏ Tây về huyện Cần Đước. Khi về đến cầu Nội, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, T dùng nước Sơn có sẵn trên tàu sơn lại số hiệu tàu kéo LA06026 thành SG 05559. Sau khi sơn xong, T điều khiển tàu kéo về gần nhà T cất giấu. T đem giấy tờ tàu kéo, bằng thuyền trưởng để đi tìm người bán chiếc tàu kéo, nhưng không có ai mua. Ngày 03/7/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức phát hiện chiếc tàu kéo mà T lấy trộm cất giấu tại ấp 7, xã Tân Ân huyện Cần Đước.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá: 01 tàu kéo bằng gỗ, số hiệu LA06026, máy nhãn hiệu Cummins 250 CV trị giá 69.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 56/CT-VKSBL ngày 11/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hữu T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 14/4/2019.

Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Phan Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường nên không xét đến. Riêng anh Phan Quốc H yêu cầu Nguyễn Hữu T bồi thường lại chi phí làm giấy tờ, hồ sơ tàu và bằng lái 25.000.000đ; chi phí thuê tàu và người đi tìm tàu kéo 14.800.000đ; bồi thường 03 tháng tiền lương là 18.000.000đ; 700 lít dầu DO trên tàu trị giá 11.400.000đ; 01 máy bơm trị giá 3.800.000đ, tổng cộng 73.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh H số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về vật chứng: 01 tàu kéo bằng gỗ, số hiệu LA06026, máy nhãn hiệu Cummins 250CV thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T, hiện Cơ quan CSĐT đã giao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản kiểm tra phương tiện và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Hữu T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi. Do đó, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên vào khoảng 17 giờ ngày 30/6/2018, anh Phan Quốc H điều khiển tàu kéo bằng gỗ số hiệu LA06026 có gắn động cơ nhãn hiệu Cummins 250CV, kéo xà lan boong thuộc sở hữu của anh Phan Văn T, cùng đi trên tàu kéo có Nguyễn Hữu T phụ việc đi từ huyện Đức Huệ về Cần Đước theo sông Vàm Cỏ Đông, khi đến khu vực xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức anh H neo xà lan boong lại chờ nước xuôi đi tiếp, sau đó anh H cùng với T chạy tàu kéo số hiệu LA06026 có gắn động cơ nhãn hiệu Cummins 250CV, trị giá 69.000.000 đồng đến ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức để lên chợ mua thức ăn. Lúc này T rủ anh H mua bia về uống, anh H đồng ý, T đi mua bia, khi đi ngang khu vực nhà trọ thì có một số người ở trọ tổ chức uống rượu, T xin vào uống rượu chung, sau đó anh H cũng đến uống rượu. Lợi dụng anh H đang uống rượu, T lén lút đi xuống lấy tàu kéo nổ máy chạy đi, mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do tài sản bị cáo trộm được có giá trị theo Hội đồng định giá là 69.000.000đ là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của người khác bị cáo đã lén lút lấy lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Hơn nữa, bị cáo đã từng bị Tòa án kết án nhiều lần mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, xét thấy hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Phan Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường nên không xét đến. Riêng anh Phan Quốc H yêu cầu Nguyễn Hữu T bồi thường lại chi phí làm giấy tờ, hồ sơ tàu và bằng lái 25.000.000đ; chi phí thuê tàu và người đi tìm tàu kéo 14.800.000đ; bồi thường 03 tháng tiền lương là 18.000.000đ; 700 lít dầu DO trên tàu trị giá 11.400.000đ; 01 máy bơm trị giá 3.800.000đ, tổng cộng 73.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý tự nguyện bồi thường cho anh H số tiền trên nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Về vật chứng: 01 tàu kéo bằng gỗ, số hiệu LA06026, máy nhãn hiệu Cummins 250CV thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T, hiện Cơ quan CSĐT đã giao trả cho chủ sở hữu là phù hợp không xét đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 14-4-2019.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 21-8-2019 để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Bị cáo Nguyễn Hữu T có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Quốc H số tiền 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Thúy